|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2024* |

**BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỚI CÁC QUYẾT ĐỊNH** Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005, Quyết định 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/09/2011 và Quyết định16/2019/QĐ-TTg 28/03/2019

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005** | **Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/09/2011** | **Quyết định số 16/2019/QĐ-TTg ngày 28/03/2019 của** | **Dự thảo Quyết định** | **Lý do thay đổi** |
| 1 | QUYẾT ĐỊNH  ĐỊNH LỘ TRÌNH ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN KHÍ THẢI ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ | QUYẾT ĐỊNH  VỀ VIỆC QUY ĐỊNH LỘ TRÌNH ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN KHÍ THẢI ĐỐI VỚI XE Ô TÔ, XE MÔ TÔ HAI BÁNH SẢN XUẤT, LẮP RÁP VÀ NHẬP KHẨU MỚI | QUYẾT ĐỊNH  QUY ĐỊNH LỘ TRÌNH ÁP DỤNG TIÊU CHUẨN KHÍ THẢI ĐỐI VỚI XE Ô TÔ THAM GIA GIAO THÔNG VÀ XE Ô TÔ ĐÃ QUA SỬ DỤNG NHẬP KHẨU | QUYẾT ĐỊNH  **QUY ĐỊNH VỀ LỘ TRÌNH ÁP DỤNG MỨC TIÊU CHUẨN KHÍ THẢI ĐỐI VỚI XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU VÀ SẢN XUẤT, LẮP RÁP.** | Hợp nhất các quyết định kế thừa các nội dung còn hiệu lực, hủy bỏ với nội dung hết hiệu lực |
| 2 | *- Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*  *- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;*  *- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;* | *- Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*  *- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;*  *- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;* | *- Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  *- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*  *- Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;* | *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*  *Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*  *Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  *Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.* | Cập nhật Luật sửa đổi phiên bản mới nhất, Luật mới |
| 3 | **Điều 1. Mục đích**  Thực hiện lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ nhằm tổ chức quản lý, kiểm soát nguồn khí thải do hoạt động của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gây ra; hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm không khí, từng bước cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường không khí nói chung, môi trường không khí các đô thị nói riêng, đồng thời triển khai thực hiện Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại đã được phê duyệt theo Quyết định số 444/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ. | / | / | / | Bỏ Điều này; cập nhật phù hợp với các QĐ sau QĐ 249 |
| 3 | **Điều 2. Phạm vi điều chỉnh**  Quyết định này quy định phạm vi áp dụng lộ trình tiêu chuẩn khí thải đối với các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi là xe cơ giới) được sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và tham gia giao thông bao gồm:  1. Xe máy là phương tiện chạy bằng động cơ có hai bánh hoặc ba bánh, vận tốc thiết kế lớn nhất không vượt quá 50 km/h và nếu động cơ dẫn động là động cơ nhiệt thì dung tích làm việc của xilanh không lớn hơn 50 cm3.  2. Mô tô là phương tiện chạy bằng động cơ có hai bánh hoặc ba bánh, vận tốc thiết kế lớn nhất vượt quá 50 km/h, hoặc nếu động cơ dẫn động là động cơ nhiệt thì dung tích làm việc của xilanh lớn hơn 50 cm3.  3. Các loại xe tương tự xe máy, mô tô, kể cả xe cơ giới dùng cho người khuyết tật.  4. Ô tô hạng nhẹ là ô tô có khối lượng toàn bộ không lớn hơn 3.500 kg.  5. Ô tô hạng nặng là ô tô có khối lượng toàn bộ lớn hơn 3.500 kg. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Quyết định này quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ôtô, xe mô tô hai bánh có lắp động cơ nhiệt sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Quyết định này quy định lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải của xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Quyết định này quy định về lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới có lắp động cơ nhiệt nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp. | Hợp nhất và làm rõ các đối tượng xe cơ giới phải áp dụng theo Luật trật tự an toàn, giao thông đường bộ. |
| 4 | **Điều 3. Đối tượng áp dụng**  Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và sử dụng xe cơ giới, trừ các loại xe cơ giới đặc chủng của quân đội, công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an quy định. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu xe ôtô, xe mô tô hai bánh, trừ các loại xe cơ giới đặc chủng của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an quy định. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sử dụng, quản lý, kiểm tra, kiểm định xe ô tô tham gia giao thông, xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.  2. Quyết định này không áp dụng đối với các loại xe ô tô của quân đội, công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp xe cơ giới có lắp động cơ nhiệt (sau đây gọi tắt là “xe”).  2. Quyết định này không áp dụng đối với các loại xe sau:  a) Xe của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh;  b) Xe được nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phục vụ sản xuất, trưng bày, giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại;  c) Xe sản xuất, lắp ráp để xuất khẩu;  d) Xe được nhập khẩu theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;  đ) Xe được thiết kế có kết cấu đặc biệt không vì mục đích tham gia giao thông đường bộ; Xe mô tô ba bánh, xe gắn máy ba bánh dùng cho người khuyết tật;  e) Ô tô được sản xuất, lắp ráp từ ô tô cơ sở (từ xe sát xi hoặc từ ô tô hoàn chỉnh) đã được chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. | Làm rõ hơn đối tượng áp dụng và đối tượng không áp dụng  Khoản 2 được tham chiếu Nội dung này trích từ điểm a, khoản 1 Điều 41 Luật TTATGT |
| 5 | **Điều 4. Mức tiêu chuẩn khí thải** (giải thích từ ngữ)  Mức tiêu chuẩn khí thải là giới hạn tối đa của khí thải xe cơ giới được phép thải ra môi trường. Mức "Euro 2" là một trong các mức của bộ Tiêu chuẩn khí thải châu Âu (sau đây gọi là Tiêu chuẩn Euro) quy định giới hạn tối đa cho phép của khí thải áp dụng đối với các loại xe cơ giới sản xuất, lắp ráp và xe nhập khẩu mới (xe mới là xe được sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu chưa qua sử dụng) do Liên minh châu Âu quy định và được quy định trong các Tiêu chuẩn Việt Nam tương ứng. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Tiêu chuẩn khí thải mức 3, mức 4 và mức 5 là tiêu chuẩn về phép thử và giới hạn chất gây ô nhiễm có trong khí thải tương ứng với mức Euro 3, Euro 4 và Euro 5 được quy định trong quy định kỹ thuật về khí thải xe cơ giới của Ủy ban kinh tế châu Âu của Liên Hợp quốc hoặc trong chỉ thị của Liên minh Châu Âu áp dụng đối với xe cơ giới sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Mức tiêu chuẩn khí thải (Mức 1, Mức 2, Mức 3, Mức 4) là giới hạn lớn nhất cho phép của các chất gây ô nhiễm và khói trong khí thải của xe ô tô quy định tại TCVN 6438:2018 “Phương tiện giao thông đường bộ - Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải”. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  1. Tiêu chuẩn khí thải Mức 2, Mức 3, Mức 4 và Mức 5 đối với xe nhập khẩu mới và sản xuất, lắp ráp là các tiêu chuẩn tương ứng với các mức tiêu chuẩn khí thải Euro 2, Euro 3, Euro 4 và Euro 5 tại Quy định của Ủy ban kinh tế châu Âu của Liên Hợp quốc (UNECE) và Chỉ thị của Liên minh Châu Âu (EC) về phê duyệt kiểu loại xe cơ giới.  2. Tiêu chuẩn khí thải Mức 1, Mức 2, Mức 3, Mức 4 đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng là các mức được nêu tại TCVN 6438:2018 - Phương tiện giao thông đường bộ - Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải.  3. Mức phát thải bằng “0”: là phát thải của xe từ động cơ không có các chất gây ô nhiễm được quy định tại tiêu chuẩn nêu tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này. | Làm rõ mức tiêu chuẩn khí thải trong thử nghiệm xe mới trong phê duyệt kiểu loại và mức tiêu chuẩn khí thải trong kiểm tra áp dụng cho đúng đối tượng theo quy định tại Luật trật tự, an toàn giao thô |
| 6 | **Điều 5. Lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới được sản xuất, lắp ráp trong nước và nhập khẩu mới**  1. Các loại xe cơ giới quy định tại Điều 2 của Quyết định này được sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới phải áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải theo các Tiêu chuẩn Việt Nam tương đương mức Euro 2 đối với từng loại xe kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2007.  2. Đối với xe cơ giới mà kiểu loại đã được chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trước ngày 01 tháng 7 năm 2007 nhưng chưa được sản xuất, lắp ráp thì áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải theo các Tiêu chuẩn Việt Nam tương đương mức Euro 2 đối với từng loại xe kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2008.  **Điều 6. Lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới** **nhập khẩu đã qua sử dụng**  Xe cơ giới nhập khẩu đã qua sử dụng vào Việt Nam phải áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải theo các quy định sau đây kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006:  1. Phương tiện lắp động cơ cháy cưỡng bức (động cơ xăng, khí dầu mỏ hoá lỏng - LPG và các loại tương tự):  a) Mô tô, xe máy và các loại xe tương tự, kể cả xe cơ giới dùng cho người khuyết tật phải áp dụng mức 2 của Phụ lục kèm Quyết định này;  b) Ô tô các loại phải áp dụng mức 3 của Phụ lục kèm Quyết định này.  2. Phương tiện lắp động cơ cháy do nén (động cơ điesel và các loại tương tự) phải áp dụng mức 2 của Phụ lục kèm Quyết định này.  **Điều 7. Lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải đối với ô tô tham gia giao thông**  1. Ô tô tham gia giao thông mang biển kiểm soát của các thành phố: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ lắp động cơ cháy cưỡng bức và động cơ cháy do nén phải áp dụng mức 1 tương ứng với từng loại động cơ quy định tại Phụ lục kèm Quyết định này kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2006.  2. Ô tô tham gia giao thông mang biển kiểm soát của các tỉnh, thành phố còn lại lắp động cơ cháy cưỡng bức và động cơ cháy do nén phải áp dụng mức 1 tương ứng với từng loại động cơ quy định tại Phụ lục kèm Quyết định này kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2008. | **Điều 4. Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải**  1. Các loại xe ôtô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới phải áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức 4 và mức 5 như sau:  a) Tiêu chuẩn khí thải mức 4 từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.  b) Tiêu chuẩn khí thải mức 5 từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.  2. Các loại xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới phải áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức 3 từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. | **Điều 4. Lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông**  1. Ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức và ô tô lắp động cơ cháy do nén tham gia giao thông sản xuất trước năm 1999 được tiếp tục áp dụng Mức 1.  2. Ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức và ô tô lắp động cơ cháy do nén tham gia giao thông sản xuất từ năm 1999 đến hết năm 2008 áp dụng Mức 2 từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.  3. Ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức và ô tô lắp động cơ cháy do nén tham gia giao thông sản xuất sau năm 2008 áp dụng Mức 2 từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.  **Điều 5. Lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu**  1. Ô tô lắp động cơ cháy cưỡng bức, động cơ cháy do nén đã qua sử dụng nhập khẩu áp dụng Mức 4 kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.  2. Trường hợp ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu có thời điểm mở tờ khai hàng hóa nhập khẩu theo Luật hải quan hoặc đã về đến cảng, cửa khẩu Việt Nam trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì được tiếp tục áp dụng quy định tại Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ | **Điều 4. Lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải**  1. Lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe nhập khẩu mới và sản xuất, lắp ráp:  a) Ô tô nhập khẩu mới và sản xuất, lắp ráp tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 5 quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này;  b) Xe gắn máy hai bánh nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp mới tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 2 quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này;  c) Xe mô tô hai bánh nhập khẩu mới và sản xuất, lắp ráp tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 3 quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này tới hết ngày 30/6/2027; áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 4 quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này từ ngày 01/7/2027;  d) Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ nhập khẩu mới và sản xuất, lắp ráp áp dụng mức phát thải bằng “0” quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này từ ngày 01/01/2026;  đ) Xe mô tô ba bánh, xe gắn máy ba bánh nhập khẩu mới và sản xuất, lắp ráp áp dụng mức phát thải bằng “0” quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này từ ngày 01/01/2026.  2. Lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng:  a) Ô tô nhập khẩu đã qua sử dụng tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 4 quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định này;  b) Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ đã qua sử dụng nhập khẩu áp dụng mức phát thải bằng “0” quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này từ ngày 01/01/2026; | Có kế thừa các nội dung còn phù hợp của các Quyết định trước đó.  Bổ sung lộ trình áp dụng tiêu chuẩn của các loại xe theo quy định tại Luật an trật tự an toàn, giao thông đường bộ như Cột bên |
| 7 | **Điều 8. Tổ chức thực hiện**  1. Các tỉnh, thành phố lớn trực thuộc Trung ương có số lượng xe cơ giới đăng ký lưu hành cao có thể đề nghị Thủ tướng cho phép rút ngắn lộ trình hoặc áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải nghiêm ngặt hơn so với các quy định của Quyết định này.  2. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức rà soát, xây dựng và ban hành các Tiêu chuẩn Việt Nam liên quan phù hợp với việc triển khai lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới theo quy định của Quyết định này.  3. Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm:  a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính lập kế hoạch và dự toán ngân sách để nâng cao năng lực kỹ thuật, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát khí thải xe cơ giới tham gia giao thông và xây dựng Trung tâm thử nghiệm khí thải xe cơ giới;  b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Đề án kiểm soát khí thải mô tô, xe máy tham gia giao thông tại các tỉnh, thành phố lớn để giảm thiểu nguồn khí thải từ mô tô, xe máy trình Thủ tướng phê duyệt;  c) Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này và căn cứ vào tình hình thực tế tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các quy định cụ thể về các mức tiêu chuẩn khí thải áp dụng đối với xe cơ giới trình Thủ tướng công bố lộ trình tiếp theo. | **Điều 5. Tổ chức thực hiện**  1. Bộ Giao thông vận tải:  a) Xây dựng, ban hành, công bố quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe cơ giới mức 3, mức 4, mức 5 bảo đảm có hiệu lực theo đúng lộ trình quy định tại Điều 4 Quyết định này.  b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ nâng cao năng lực kỹ thuật, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát khí thải xe cơ giới sản xuất lắp ráp và nhập khẩu mới theo lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải các mức 3, 4, 5.  c) Tổ chức triển khai Quyết định này và căn cứ vào tình hình thực tế nghiên cứu, xây dựng quy định nâng cao mức tiêu chuẩn khí thải xe cơ giới trình Thủ tướng Chính phủ công bố.  d) Tham gia, đề xuất biểu phí thử nghiệm khí thải do Bộ Tài chính ban hành đối với từng phép thử tương ứng với tiêu chuẩn khí thải các mức 3, 4, 5.  2. Bộ Khoa học và Công nghệ:  a) Nghiên cứu sớm xây dựng, ban hành, công bố quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzel, nhiên liệu sinh học với chất lượng tương ứng tiêu chuẩn khí thải mức 3.  b) Xây dựng, ban hành, công bố quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzel, nhiên liệu sinh học với chất lượng tương ứng tiêu chuẩn khí thải mức 4 bảo đảm có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2016; với chất lượng tương ứng tiêu chuẩn khí thải mức 5 bảo đảm có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.  c) Công bố lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ôtô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới tới Tổ chức Thương mại Thế giới.  3. Bộ Công Thương:  Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan bảo đảm sản xuất, nhập khẩu và cung ứng nhiên liệu sử dụng cho xe cơ giới có chất lượng theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đúng lộ trình được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tại các điểm a, b khoản 2 Điều này.  4. Bộ Tài chính:  a) Xây dựng, ban hành mức phí thử nghiệm khí thải xe ôtô, xe mô tô hai bánh đối với từng phép thử tương ứng với tiêu chuẩn khí thải các mức 3, 4, 5.  b) Chủ trì, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế tài chính hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xăng dầu trong bảo đảm cung ứng nhiên liệu đáp ứng lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải và khuyến khích sản xuất, sử dụng xe cơ giới thân thiện môi trường.  5. Các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:  a) Tổ chức thông tin tuyên truyền về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ôtô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới.  b) Chỉ đạo các đơn vị chuyên ngành trực thuộc phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm soát chất lượng nhiên liệu lưu thông trên thị trường.  6. Việc áp dụng tiêu chuẩn khí thải sớm hơn so với lộ trình tại Điều 4 Quyết định này, Ủy ban nhân dân các thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thực hiện. | **Điều 6. Tổ chức thực hiện**  1. Bộ Giao thông vận tải  a) Căn cứ vào tình hình thực tế tiếp tục nghiên cứu, xây dựng các quy định nâng cao mức tiêu chuẩn khí thải áp dụng đối với xe ô tô tham gia giao thông, xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu và trình Thủ tướng Chính phủ công bố lộ trình tiếp theo.  b) Tổ chức, huy động các nguồn lực để nghiên cứu, thử nghiệm áp dụng công nghệ xử lý khí thải nhằm xây dựng cơ chế, chính sách, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và nâng cao hiệu quả quản lý phát thải chất gây ô nhiễm từ xe cơ giới tham gia giao thông.  2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ theo chức năng nhiệm vụ, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc triển khai thực hiện kiểm soát khí thải xe ô tô tham gia giao thông, xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu. | **Điều 5. Tổ chức thực hiện**   1. Bộ Giao thông vận tải:   a) Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo chức năng nhiệm vụ và quy định của pháp luật về các mức tiêu chuẩn khí thải phù hợp với lộ trình quy định tại Quyết định này.  b) Tổ chức triển khai Quyết định này; căn cứ vào tình hình thực tế tiếp tục nghiên cứu, xây dựng bổ sung các quy định nâng cao mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.   1. Bộ Khoa học và Công nghệ:   a) Nghiên cứu, rà soát quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzel, nhiên liệu sinh học để sửa đổi, bổ sung phù hợp với lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải quy định tại Quyết định này.  b) Thông báo lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu quy định tại Quyết định này tới Tổ chức Thương mại Thế giới.   1. Bộ Công Thương:   Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan bảo đảm sản xuất, nhập khẩu và cung ứng nhiên liệu sử dụng cho xe có chất lượng theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzel, nhiên liệu sinh học.   1. Các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:   a) Tổ chức thông tin tuyên truyền về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe quy định tại Quyết định này.  b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm soát chất lượng nhiên liệu lưu thông trên thị trường. | Làm rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Quyết định. |
| 8 |  |  |  | **Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**  1. Các kiểu loại xe sản xuất, lắp ráp đã được chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trước thời điểm áp dụng tiêu chuẩn khí thải theo lộ trình quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này được tiếp tục sản xuất, lắp ráp đến hết hiệu lực của giấy chứng nhận đã cấp hoặc sau 12 tháng kể từ ngày thời điểm lộ trình thực hiện có hiệu lực tùy theo điều kiện nào đến trước.  2. Các xe nhập khẩu có thời điểm cập cảng hoặc về tới cửa khẩu Việt Nam trước thời điểm áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải theo lộ trình quy định tại Quyết định này được tiếp tục áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải có hiệu lực tại thời điểm xe cập cảng hoặc về tới cửa khẩu Việt Nam. | Bổ sung điều khoản chuyển tiếp  - Các xe đã được chứng nhận trước đó không hồi tố |
| 9 | **Điều 9. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**  1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.  2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. | **Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**  1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2011.  2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. | **Điều 7. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**  1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2019.  2. Bãi bỏ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 6; Điều 7 của Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.  3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. | **Điều 7. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**   1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. 2. Bãi bỏ các quy định sau:   a) Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;  b) Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới;  c) Điều 5 Quyết định số 16/2019/QĐ-TTg ngày 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.  3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. | Bãi bỏ nội dung không còn hiệu lực, bổ sung nội dung và hiệu lực thi hành mới. |